

Bản án số: 47/2021/HS-ST  
Ngày 23-4-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Trọng Thanh

2. Bà Phạm Thị Huệ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Mai là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23-4-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2021/TLST-HS ngày 25-3-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HS ngày 12-4-2021 đối với các bị cáo:

**1. Đỗ Văn Ch,** sinh năm 1959.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn D (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có vợ Đào Thị Ch và có 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1989; nhân thân: Tham gia quân đội nhân dân Việt Nam từ năm 1975 đến năm 1980; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2021 đến ngày 09/01/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

**2. Vũ Đức N,** sinh năm 1967.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức H (Đã chết) và bà Dương Thị C; có vợ Nguyễn Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998; nhân thân: Năm 1986 tham gia quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 1989 xuất ngũ chờ về địa phương; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày

06/01/2021, đến ngày 09/01/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

**3. Đinh Văn H, sinh năm 1975.**

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 1/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Th (Đã chết) và bà Đào Thị R (Đã chết); có vợ Bùi Thị G và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; nhân thân: Ngày 13/7/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ chí Minh xử phạt 14 năm tù về tội “Giết người”. Ngày 24/9/2010, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt y án sơ thẩm. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2017, chấp hành xong khoản tiền án phí vào ngày 23/11/2011. Đối với khoản tiền bồi thường trách nhiệm dân sự khác đại diện gia đình người bị hại không yêu cầu Đinh Văn H phải bồi thường nữa (Đã được xóa án tích); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

**4. Trần Văn Th, sinh năm 1973.**

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (Đã chết) và bà Đào Thị S; có vợ Trần Thị T, sinh năm 1977 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

**Người làm chứng:**

1. Ông Trần Văn V, sinh năm 1963 (vắng mặt).

2. Ông Đào Hồng Q, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Đều trú tại: thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

4. Chị Trần Thị T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Ph, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Sáng ngày 06/01/2021 Trần Văn Th, Vũ Đức N và Trần Văn S đến nhà Đỗ Văn Ch ở thôn Ph, xã Th chơi. Tại đây, Th, Nội, S rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Phỏm” và hỏi mượn nhà Chiến đánh bạc, Ch đồng ý. Sau

đó Th, N, S xuống gian nhà kho của Ch, sử dụng bộ bài Tú lơ khơ 52 quân và chiếu có sẵn tại nhà kho để đánh bạc, Ch ngồi xem không tham gia đánh bạc. Những người tham gia đánh bạc quy định đánh mức thấp nhất là 20.000 đồng/01người/01ván, cao nhất là 50.000đồng/01người/01ván. Khi Th, N và S đánh bạc được 2 đến 3 ván thì Đinh Văn H đến và cùng tham gia đánh bạc. Đến 10 giờ 20 phút cùng ngày Trần Văn S, Vũ Đức N, Trần Văn Th và Đinh Văn H đang chơi đánh bạc, bị Công an huyện H phát hiện, bắt quả tang. Đinh Văn H và Trần Văn Th bỏ chạy, đến ngày 11/01/2021 và ngày 12/01/2021, đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H trình bày về hành vi phạm tội của mình. Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.720.000 đồng, 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu cói và thu giữ trên người trên người Vũ Đức N số tiền 9.500.000 đồng, Trần Văn S số tiền 120.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 45/CT-VKSHH ngày 24-3-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố Đỗ Văn Ch, Vũ Đức N, Trần Văn Th và Đinh Văn H ra trước Toà án nhân dân huyện H để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS).

**Tại phiên tòa các bị cáo khai:** Các bị cáo Vũ Đức N, Trần Văn Th Trần Văn S đến nhà Đỗ Văn Ch chơi. Sau đó các bị cáo đã cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Phỏm”. Sau đó Đinh Văn H đến tham gia đánh bạc cùng tại nhà bị cáo Ch như nội dung bản cáo trạng đã nêu ở trên. Cụ thể: Đỗ Văn Ch có hành vi dùng gian nhà kho của mình cho Trần Văn S, Vũ Đức N, Trần Văn Th và Đinh Văn H đánh bạc, không tham gia đánh bạc, không thu tiền hồ và không được hưởng lợi ích vật chất nào của những người đánh bạc. Vũ Đức N mang theo 9.750.000 đồng, sử dụng 250.000 đồng vào việc đánh bạc, quá trình đánh không rõ thắng thua, khi bị bắt quả tang để toàn bộ tiền xuống chiếu bạc, số tiền 9.500.000 đồng thu trên người N không sử dụng vào việc đánh bạc là tiền bị cáo mang đi để trả tiền thuê phòng trọ, tiền làm cổ giỗ đầu mẹ bị cáo. Trần Văn Th mang theo 200.000 đồng, sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh không rõ thắng thua, khi bị bắt đã vất toàn bộ tiền xuống chiếu và bỏ chạy; Đinh Văn H mang theo 180.000 đồng, sử dụng vào việc đánh bạc, khi bắt quả tang bị cáo bỏ chạy đã làm rơi số tiền trên không rõ rơi ở đâu, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền này tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H; Trần Văn S mang theo 320.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt thu giữ trên người 120.000 đồng. Tổng số tiền xác định sử dụng vào việc đánh bạc là 6.020.000 đồng (Trong đó tiền thu trên chiếu bạc là 5.720.000 đồng, tiền thu trên người S là 120.000 đồng, tiền bị cáo H sử dụng vào việc đánh bạc là 180.000 đồng).

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản Cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn Ch, Vũ Đức N, Trần Văn Th và Đinh Văn H phạm tội "Đánh bạc".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Ch từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ, Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Ch.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Phạt bị cáo H từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Đức N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo N từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Th từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu cói; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.020.000 đồng (Trong đó tiền thu trên chiếu bạc là 5.720.000 đồng, thu trên người Trần Văn S số tiền 120.000 đồng, tiền bị cáo H đánh bạc, bị cáo tự nguyện nộp 180.000 đồng). Trả lại Vũ Đức N số tiền 9.500.000 đồng.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo. Các bị cáo Đỗ Văn Ch, Vũ Đức N, Trần Văn Th và Đinh Văn H không có tranh luận.

Lời nói sau cùng: Đỗ Văn Ch, Vũ Đức N, Trần Văn Th và Đinh Văn H đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người làm chứng là ông V, ông Q, ông C và chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra ông V, ông Q, ông C và chị T đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của ông V, ông Q, ông C và chị T không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của BLTTHS.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục từ số 21 đến số 24); biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu (Bút lục số 99,100); biên bản ghi lời khai của người làm chứng: ông Trần Văn V, ông Đào Hồng Q, ông Trần Văn Ch và chị Trần Thị T (Bút lục từ số 253 đến số 282). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 06/01/2021, Đỗ Văn Ch đã có hành vi sử dụng gian nhà kho của mình cho Trần Văn S, Vũ Đức N, Trần Văn Th và Đinh Văn H đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Phỏm”. Đến 10 giờ 20 phút cùng ngày Trần Văn S, Vũ Đức N, Trần Văn Th và Đinh Văn H đang đánh bạc, bị Công an huyện H phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền xác định sử dụng vào việc đánh bạc là 6.020.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

#### **Điều 321: Tội đánh bạc.**

*“ 1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành*

*vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2....

3. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng các hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích tư lợi trái pháp luật, các bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, hiểu rõ hậu quả của việc đánh bạc là tệ nạn xã hội, sát phạt nhau bằng tiền, bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội của mình. Vụ án có sự đồng phạm giản đơn. Các bị cáo N, Th cùng rủ nhau đánh bạc, tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt, nên giữ vai trò ngang nhau thứ nhất; bị cáo H đến tham gia đánh bạc sau nên giữ vai trò thứ hai; bị cáo Ch dùng nhà ở của mình cho các bị cáo đánh bạc, không tham gia đánh bạc, không được hưởng lợi gì từ việc cho các bị cáo đánh bạc, bị cáo với vai trò giúp sức nên giữ vai trò cuối cùng.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Ch, N và Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo N và bị cáo Ch có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo N có bố đẻ là người có công với Cách mạng, được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS; các bị cáo Ch, N và Th có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc không lớn, bị cáo H có nhân thân xấu.

[6] Từ những nhận xét trên, xét thấy đối với bị cáo H cần phải áp dụng hình phạt tù theo quy định của khung hình phạt, cách ly bị cáo khỏi cuộc sống ngoài xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng

ngừa chung. Đối với bị cáo N và Th chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Ch chỉ cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ là hình phạt chính cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. bị cáo Ch đơn đề nghị (đơn có xác nhận của UBND xã) bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, già yếu, không có công việc làm ổn định. Vì vậy cần miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Ch. Cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo N, Th và H.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cối là những công cụ được các đối tượng dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy. Số tiền 6.020.000 đồng, đây là số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền 9.500.000 đồng thu của bị cáo N, quá trình điều tra xác định số tiền trên là tiền bị cáo mang đi để trả tiền thuê phòng trọ, tiền làm cỗ giỗ đầu mẹ bị cáo, nên cần trả lại cho bị cáo.

[10] Đối với Trần Văn S: Ngày 11/01/2021, bị cáo Trần Văn S bị đột quỵ được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân, sau đó chuyển Bệnh viện Phổ Núi, tỉnh Hưng Yên và Bệnh viện Bạch Mai, thành phố Hà Nội để điều trị. Đến ngày 28/01/2021, do tình hình dịch bệnh Covid nên được bệnh viện Bạch Mai cho xuất viện về điều trị tại gia đình để chờ phác đồ điều trị tiếp theo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã nhiều lần đến gia đình để làm việc nhưng hiện tại S trong tình trạng sức khỏe yếu, hạn chế vận động (liệt nửa người), không thể tiến hành làm việc được. Căn cứ khoản 2 Điều 170 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Thái Bình ra quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi của Trần Văn S để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với ông Trần Văn V, ông Đào Hồng Q, ông Trần Văn C và chị Trần Thị T là những người có mặt tại nhà kho của bị cáo Đỗ Văn Ch vào ngày 06/01/2021 nhưng ông Q, ông V, ông C và chị T đứng xem, không tham gia đánh bạc, không có lời nói, hành động nào cổ vũ hay giúp sức các đối tượng đánh bạc nên không đồng phạm về tội “Đánh bạc” với các bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Văn Ch, Vũ Đức N, Trần Văn Th và Đinh Văn H phạm tội "Đánh bạc".

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Văn H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, Phạt bị cáo H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.1 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Đức N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo N 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.2 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Th 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

*Giao các bị cáo Nội và bị cáo Thắng cho UBND xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Ch 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ là 03 ngày bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Ch.

*Giao bị cáo Chiến cho UBND xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.*

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu để tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói đã qua sử dụng.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.020.000 đồng (sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), (gồm tiền quản lý trên chiếu bạc là 5.720.000 đồng và tiền quản lý trên người S 120.000 đồng, tiền bị cáo H tự nguyện nộp 180.000 đồng). Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý.

3.3. Trả lại bị cáo N số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo Ch, N, Th và H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhận:**

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS Hưng Hà;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Nhàn**